# Thich Minh Tue - Phat & Thanh chung - 204

*Phật & Thánh Chúng (Thích Minh Tuệ)*

Thich Minh Tue - Phat & Thanh chung - 204

Times font

Phật và Thánh chúng

Thích Minh Tuệ

Sài Gòn, 1990

BÀI 4

Tôn giả TU BỒ ĐỀ

(Subhuti - Giải không đệ nhất) -ooOoo-

Q ua 45 năm thuyết pháp, tùy căn cơ trình độ của chúng sinh, Phật nói rất nhiều vấn đề. Từ những vấn đề đó, sau Phật Niết Bàn, giáo đoàn chia thành nhiều bộ phái và có nhiều quan điểm khác nhau. Nhưng không ngoài hai phái chính yếu là Nam Tông và Bắc Tông. Nam Tông theo hệ kinh Pali. Bắc Tông theo hệ kinh Sanskrit. Trung tâm và cơ bản của Bắc Tông là Bát Nhã (Praijrà). Trung Quốc dịch là Tuệ, Trí Tuệ, không trí. Trí tuệ của Bát Nhã không phải là thế trí hiện thông, mà là loại trí tuệ siêu thiện ác, vô phân biệt. Trong bản chất, trí tuệ này thanh tịnh và vắng lặng, trong suốt như hư không, cho nên gọi là không trí, có nghĩa là trí tuệ hiểu về tánh không của các pháp, vì các pháp hiện tượng, vốn là duyên sinh cho nên tự thể nó là không, thảy đều giả hữu, hết thảy đều vô ngã, sâu xa. Tánh này không thật sâu xa huyền diệu, ngôn thuyết không diễn tả hết, tâm tư cũng khó hiểu thấu. Vì không mà có, có mà không, nói theo lý Bát Nhã là chân không diệu hữu. Khi Phật nói kinh Bát Nhã, trong 1.250 vị đại A La Hán nói chung, 10 đại đệ tử nói riêng, người thấu hiểu không trí hơn hết là Tu Bồ Đề, bậc giải không đệ nhất.

I- DANH HIỆU TU BỒ ĐỀ

Trong các sách sử, các đệ tử Phật đều có ghi chép lịch sử hoặc nhiều hoặc ít. Riêng Tu Bồ Đề không có ghi chép về gia thế dòng họ. Tuy nhiên, trong kinh Bắc Tông có chép về truyền thuyết sự tích của Tu Bồ Đề qua một vài chi tiết.

Tu Bồ Đề chào đời ngay trong lúc gia đình như thiếu may mắn, tất cả tài sản vơi cạn, kho lẩm trống trơn một cách ngẫu nhiên. Cả nhà đều lo sợ, nhiều người cho là điểm kỳ lạ, kéo đến quan sát luận bàn và cuối cùng đều quyết đoán đó là một điềm lành. Ngày sau đứa bé sẽ trở thành một nhân vật phi thường, bậc giải không đệ nhất. Dựa theo sự quyết đoán của số đông, bà mẹ đặt tên cho đứa bé là Tu Bồ Đề (Subhuti), có nghĩa là không sanh, hay Thiện Cát (tốt lành) hay Thiện Hiện (hiện điềm tốt).

Quả thật về sau gia đình gặp nhiều điều may mắn, trở lại giàu có, tiền của tràn đầy kho lẩm. Tu Bồ Đề cũng trở thành một nhân vật phi thường. Tuy tuổi còn nhỏ, Tu Bồ Đề không mấy thiết tha với tài, lợi, cha mẹ cho bất cứ vật gì Tu Bồ Đề vẫn đem bố thí hết

cho người thiếu thốn. Với trí thông minh, Tu Bồ Đề xét thấy muôn vật đều hư giả, trống không, tự thể cũng mất khả năng chủ động. Bởi thế khi gặp Phật, Tu Bồ Đề liền xin xuất gia.

II- ĐẠO NGHIỆP CỦA TU BỒ ĐỀ.

1. Khất thực nhà giàu

Vì sẵn có từ tâm, hay thương người nghèo khổ, từ hồi còn nhỏ ở với cha mẹ, Tu Bồ Đề thường đem của cải ban bố cho người. Nhiều lần bị cha mẹ rầy la, Tu Bồ Đề vẫn không từ bỏ hạnh bố thí. Bởi thế, sau khi theo Phật, mỗi sáng đi khất thực, Tu Bồ Đề không nỡ dừng bước trước cửa những ngôi nhà lụp xụp, xơ xác, có vẻ nghèo nàn. Dù xa đến đâu, Tu Bồ Đề cũng đến khất thực những gia đình giàu có. Với phong cách khất thực của Tu Bồ Đề, các đệ tử của Phật cho là khác thường và chẳng rõ vì sao? Bởi theo pháp hành hóa của Phật, Tỳ Kheo phải tuần tự khất thực, trước mỗi nhà dù nghèo hay là giàu đều phải dừng bước để cho người gieo giống phước điền. Đằng này, mỗi sáng ra khỏi Tịnh Xá, Tu Bồ Đề tách đoàn đi riêng và tránh xa nhà nghèo, dù đôi lúc phải mang bát không về, chịu đói. Có người hỏi lý do, Tu Bồ Đề giải thích:

- Khất phú hay khất bần cũng đều vì lợi ích chúng sinh cả. Nhưng khất người nghèo là tước đoạt phần ăn của họ. Vả lại, nếu không có vật thực để cúng dường người nghèo có thể sinh buồn tủi. Thế là vô tình Tỳ Kheo đã gieo ưu sầu cho người?

Trong chúng đệ tử Phật, ngược với Tu Bồ Đề, có ngài Ma Ha Ca Diếp chỉ khất thực nhà nghèo, tránh xa nhà giàu. Vì theo Ca Diếp, người giàu đã có thừa phước báu, khỏi cần đem phước báu lại cho họ, người nghèo mới cần đem gieo trồng phước báu, để mai sau khỏi bị nghèo túng. Bởi thế, người xuất gia cần đem ruộng phước đến cho người nghèo gieo trồng phước đức.

Thái độ của khỏi và Ma Ha Ca Diếp đã trở thành hai thái cực, nên đã bị Đức Phật quở trách.

- Theo Phật, con người cần giữ tâm quân bình, không được phân biệt, thiên kiến. Người đứng làn ranh này tất phải đối đầu với làn ranh kia, cuộc đời vì có đối kháng mà tương tranh, mất bình đẳng, gây nên nhiều thảm họa. Phật đi xuất gia vì muốn san bằng cuộc sống bất bình đẳng, từ đó giáo pháp của Phật hàm chứa tinh thần hòa đồng, không phân chia ranh giới, kể cả giàu và nghèo. Phép khất thực chân chính là không có lựa chọn phân chia giàu nghèo, sang hèn. Tỳ kheo cần giữ oai nghi nghiêm túc, thứ lớp khất thực.

Với đức tính trống rỗng sẵn có, Tu Bồ Đề dễ dàng thuận theo lời Phật dạy, sau khi đi khất thực không còn phân chia giàu nghèo, đem phước điền đến cho tất cả mọi người.

2. Tu Bồ Đề đón đức Phật

Trong hàng Thánh chúng, Tu Bồ Đề dùng trí quán chiếu soi thấy tánh KHÔNG của các pháp, thể chứng lý không. Từ đó, tôn giả thường nói lý không và các oai nghi tế hạnh đều biểu thị lý không.

Tương truyền một hôm, tại động núi Kỳ Xà Quật, trên núi Linh Thứu, trong lúc đang vá áo, Tu Bồ Đề dùng trí quán chiếu biết Đức Phật du hóa phương xa sắp trở về. Tôn giả ngưng việc vá áo, định đi đón Phật. Nhưng liền nghĩ rằng: Phật là bậc vô ngã, pháp thân không tịch vắng lặng, ngã và ngã sở đều không, tuyệt dứt đối đãi. Phật đã từng nói, không ngã, khôg nhơn, không chúng sinh, không thọ giả, các pháp rỗng lặng, pháp tánh biến khắp không gian và thời gian. Pháp thân Phật ở đâu mà chẳng có. Vì thế ta đi đón Phật có thể bị Phật quở là người hành tà đạo.

Trong hội Bát Nhã: Đức Phật đã nói:

- "Nếu lấy sắc thấy ta, lấy âm thanh cầu ta, đó là người tà đạo, không thể thấy Như Lai".

Sau khi suy nghĩ, tôn giả tiếp tục ngồi vá áo một cách bình thản như không có chuyện gì xảy ra. Lúc bấy giờ trên đường trở về, Phật được Tăng đoàn và đông đảo quần chúng Phật tử chuẩn bị đón tiếp vô cùng trang trọng. Trong số đó, có Tỳ Kheo ni Liên Hoa Sắc, vị chứng thần thông đệ nhất bên nữ. Vận dùng sức thần thông sẵn có, Liên Hoa Sắc quyết đón Phật trước nhất, khi gặp Phật, Liên Hoa Sắc đãnh lễ và bạch Phật:

- Bạch Đức Thế Tôn! Nhờ có phép thần thông con hay tin Thế Tôn về và chính con đến đây chờ đảnh lễ Thế Tôn trước hơn ai hết.

Trước nét hân hoan của Liên Hoa Sắc, Phật mỉm cười từ tốn nói rằng:

- Liên Hoa Sắc! Người nghinh đón ta trước tiên chẳng phải là nhà ngươi.

Nhin bốn phía chẳng thấy ai, tất cả đều còn ở sau xa, với vẻ hoài nghi, bàng hoàng, Liên Hoa Sắc quỳ thưa:

- Bạch Đức Thế Tôn! Con vận dụng sức thần thông. Khi đến đây, chẳng thấy có ai cả. Thế ai là người đón Đức Thế Tôn trước con?

Trong lúc Liên Hoa Sắc vừa chấm dứt câu hỏi, Ca Diếp và Tăng đoàn từ từ tiến đến. Đợi Tăng đoàn quy tụ đông đảo, Phật mỉm cười, nói với tất cả, mà cũng để trả lời cho Liên Hoa Sắc, Phật nói:

- Này các Tỳ Kheo! Ta cảm ơn tất cả, các ông đã không quản xa xôi để đến đây đốn ta. Nhưng ngư?i gặp ta trước tiên chính là Tu Bồ Đề. Hiện giờ, tại núi Kỳ Xà Quật, Tu Bồ Đề đang chiếu quán tánh không của các phép. Người thấy thể tánh rỗng lặng như như bất động, chính là người trực tiếp nghinh tiếp ta trước nhất.

Chúng đệ tử, kể cả Liên Hoa Sắc, nghe Phật nói mới thấu rõ tướng của các pháp là hư vọng, như chiêm bao, ảo thuật, bóng nước, ảnh tượng, sương mai, điện chớp. Thể tính các pháp là pháp không tịnh, rõ chân lý đó nên ông là người đã đón Đức Thế Tôn trước hơn ai hết. TU BỒ ĐỀ XỨNG ĐÁNG LÀ VỊ GIẢI KHÔNG ĐỆ NHẤT TRONG HÀNG THÁNH CHÚNG.

3. Tu Bồ Đề xướng minh lý Không.

Một hôm, tại hội Bát Nhã, trước 1.250 Tỳ Kheo, hướng về Tu Bồ Đề, Phật nói:

- Tu Bồ Đề! Ông có biện tài, thể hội sâu xa đạo lý chân không, giờ này trước đại chúng ông hãy thuyết về không lý Bát Nhã cho tất cả cùng nghe.

Nghe Phật dạy Tu Bồ Đề, đại chúng đều không rõ Tu Bồ Đề dựa vào biện tài của tự thân hay nhờ oai lực của Phật để nói lý chơn không của Bát Nhã?

Rõ biết tâm lý đại chúng, Tu Bồ Đề rào đón, nói rằng:

- Thưa đại chúng! Muốn tỏ lòng cung kính Phật là phải vâng lãnh mệnh lệnh của Phật. Tôi vốn biết sức người có hạn, trí tuệ biện tài còn non, nếu không nương sức oai lực của Phật, tôi phải thúc thủ (bó tay).

Với chân lý Phật nói thật là sâu xa huyền diệu, không nhờ oai lực của Phật, tôi đâu có thể thuyết được tánh không của các pháp. Như chúng ta đã biết muôn sự muôn vật, nói khác hơn là các pháp đều do nhân duyên mà sinh khởi, cho nên các Pháp là không, là giả, là không tự chủ. Thực tướng các pháp là chân không diệu hữu. Trong hội Bát Nhã Phật nói: "Sắc tức là không, không tức là sắc, sắc chẳng khác không, không chẳng khác sắc, thọ tưởng thành thức cũng giống như vậy".

Cái có của các pháp là giả danh. Không có thật. Bởi thế, các pháp chẳng sinh, chẳng diệt, chẳng thường, chẳng đoạn, chẳng dị, chẳng lai, chẳng xuất.

Các pháp vốn không tướng cho nên đâu còn tướng sinh, diệt, sạch, dơ, thêm, bớt. Rồi từ đó 6 căn, 6 trần, 6 thức, 6 nhập, 12 xứ, 18 giới, không vô minh, cũng không vô minh hết. Đã là giả danh cho nên không những sinh, lão, bệnh, tử, khổ, tập, diệt, đạo đã không mà không luôn cả trí và cái sở đắc, kể luôn cả cái tâm.

- Phật nói: Các tâm đều là phi tâm, thế mới gọi là tâm. Tâm quá khứ hiện tại và cả vị lai đều không nhận được. Các pháp vốn không nên không có chủ thể, gọi là vô ngã, vì ngã cũng là giả danh. Có ly tất cả mới đạt trung đạo, mới thật đạt tướng Niết Nàn, tịch diệt vắng lặng.

Trong giáo đoàn của Phật, chỉ có Tu Bồ Đề nhận thức sâu sắc về không tánh của các pháp, hiểu thấu đáo không lý và thật chứng không trí, bởi thế Tu Bồ Đề được xưng tôn là bậc giải không đệ nhất.

III- NHẬN THỨC VÀ KẾT LUẬN

Khi còn tại thế, lúc nói kinh Bát Nhã, Phật xương minh lý tính chơn không diệu hữu của các pháp duyên sinh. Tu Bồ Đề được thừa nhận là bậc đã chứng đắc về không trí và không lý.

Mãi đến hơn 600 năm sau, với luận lý Bát nhã Bồ Tát Long thọ mới triển khai thành giáo nghĩa Bát Nhã, xây dựng thế giới quan chân không diệu hữu của giáo hệ Bắc Tông qua con đường trung đạo.

Hiện nay trong Đại Tạng chữ Hán có đến 720 quyển kinh thuộc về hệ Bát Nhã.

Từ xưa, đầu mối của giáo hệ Bắc Tông, kinh Bát Nhã là nguồn mạch. Nếu không có kinh Bát Nhã thuyết lý chân không diệu hữu thì các trào lưu tư tưởng thuộc hệ Bắc Tông

không thể hình thành và tồn tại đến ngày nay. Bởi thế, chúng ta có thể nói: TU BỒ ĐỀ LÀ TỔ ĐẦU TIÊN CỦA PHÁI BẮC TÔNG, còn nếu thành lập Tông Bát Nhã thì Tu Bồ Đề đương nhiên là thủy tổ. Vì chính Tu Bồ Đề là bậc đã tu quán bằng không trí Bát Nhã và đã thành bậc giải không đệ nhất.

Với lý duyên sinh, các pháp trùng trùng duyên khởi liên hệ với nhau chằng chịt, từ đó tương truyền khi Tu Bồ Đề mới sinh chính là lúc tài sản gia đình hết sạch, kho lẫm trống trơn, không phải là vấn đề hoang đường, duy lý hay duy tâm. Phật giáo không duy gì hết. Đức Phật chỉ thuyết minh cái thực tại của các pháp, để giúp con người hiểu, tu chứng, giải thoát. Thực tại là như vậy, ta không nên rơi vào bất cứ cái duy nào. Với lý duyên sinh cái này có thì cái kia có, cái này không thì cái kia không... Cái này làm thuận duyên cho cái kia sinh cái này tạo nghịch duyên cho cái kia hoại diệt. Đó là Tăng thượng duyên (Thuận và nghịch), một trong 4 duyên (nhân duyên, sở nhân duyên, đẳng vô gián duyên và tăng thượng duyên). Con người có nhiều ảnh hưởng chi phối sự vật chung quanh và ngược lại. Bởi thế tài sản trong kho lẩm của gia đình Tu Bồ Đề có thể liên hệ hữu cơ với tính giải không của Tu Bồ Đề.

Trong gia đình hay ngoài xã hội cũng thế, cụ thể dễ nhận hơn như trong một gia đình, phòng ốc, nhà cửa, vườn tược, tươm tất sạch sẽ xanh tương biểu thị cho người trong gia đình mang tính sạch sẽ, tươm tất, cần cù, siêng năng... là một gia đình đang thịnh, ngược lại là biểu thị của một gia đình đang suy. Để nói lên sự thịnh - suy của một gia đình, phong giao Việt Nam có câu: "Ngày xem Tre, đêm nghe chó sủa". Có nghĩa là: Nếu thấy tre vườn xanh tươi, chó sủa hùng mạnh thì biết là gia đình hiện hữu trong đó đang thịnh, ngược lại là biểu thị cho suy tàn.

Trong một quốc gia, xã hội, nếu mọi người mang tính thiện: "Cần kiệm, liêm chính, chí công, vô tư", quốc gia, xã hội, nhất định đang trên đà giàu mạnh. Ngược lại, con người mang tính xấu, quốc gia xã hội đang là con bệnh trầm kha, không phương cứu chữa. Đó là lý tất yếu. Mọi sự kiện trong đời đều liên hệ hữu cơ với nhau thật chặt chẽ.

Nhìn chung, qua cuộc đời và đạo nghiệp của Tu Bồ Đề, có hai điểm đáng cho chúng ta noi gương.

- Hạnh bố thí.

- Trí giải không.

Hai điểm đó lại tương quan với nhau. Nhờ thấu rõ tánh không của các pháp duyên sinh là không, là giả danh, là vô ngã, Tu Bồ Đề mới không ích kỷ, tham lam, chấp ngã... để đem của cải bố thí cho người nghèo thiếu...

Lại nhờ xả ly, bố thí, Tu Bồ Đề mới thực sự biểu thị cho sự tu chứng tánh không của các pháp để trở thành bậc giải không đệ nhất trong hàng Thánh chúng.

* * *

CÂU HỎI THẢO LUẬN

1. Tại sao Tu Bồ Đề có danh hiệu là Tu Bồ Đề?

2. Tại sao Tu Bồ Đề đi khất thực nhà giàu?

3. Phép đi khất thực phải như thế nào?

4. Tu Bồ Đề và Liên Hoa Sắc đã đón Phật như thế nào?

5. Tu Bồ Đề quán chiếu các pháp như thế nào?

6. Sự liên hệ giữa Kinh Bát Nhã với hệ phái Bắc Tông như thế nào?

7. Qua cuộc đời và đạo nghiệp của Tu Bồ Đề chúng ta có thể học hỏi được điều gì?

-ooOoo-

Đầu trang | 1.01
| 1.02 | 1.03 | 1.04
| 1.05 | 1.06 | 1.07
| 1.08 |
| 2.01 | 2.02 | 2.03
| 2.04 | 2.05 | 2.06
| 2.07 | 2.08 | 2.09
| 2.10 | 3 | Mục lục

Chân thành cám ơn Đại đức Giác Đồng đã gửi tặng phiên bản điện tử (Bình Anson, 07-2001)

[ Trở về trang Thư Mục ]

*Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.*